

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Số: **28** /2013/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày **11** tháng **12** năm 2013

SỐ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
ĐẾN	Số: 1589
	Ngày: 12/12/2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy chế xây dựng, tổ chức thực hiện,
quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công
và quản lý sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT-BTC-BCT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại tờ trình số 151/TTr-SCT ngày 04 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế xây dựng, tổ chức thực hiện, quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và quản lý sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc tổ chức thực hiện nội dung Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Bộ: Công Thương, Tài chính;
- TT.Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở Tư Pháp (tự kiểm tra);
- TT Công báo - Tin học (đăng công báo);
- CVP, PVPTH UBND tỉnh;
- Lưu: VT, (Duy-024).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Chiến

QUY CHẾ

**Xây dựng, tổ chức thực hiện, quản lý
chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và quản lý
sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2013/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát, đánh giá, quản lý Chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế do ngân sách nhà nước cấp hàng năm để thực hiện các hoạt động khuyến khích, hướng dẫn và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp (gọi tắt là hoạt động khuyến công).

2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các Chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, bao gồm:

a) Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các huyện, thành phố, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn;

c) Các tổ chức dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh;

d) Các cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh hoạt động theo quy định tại điều 16 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công.

**Chương II
XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH,
KẾ HOẠCH VÀ ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG**

Điều 2. Xây dựng Chương trình khuyến công

Sở Công Thương căn cứ đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp; xem xét sự phù hợp của các Chương trình khuyến công với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển công

ng nghiệp - tiểu thủ công nghiệp địa phương, tổng hợp, xây dựng chương trình khuyến công của tỉnh theo từng giai đoạn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Điều 3. Xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm:

1. Kế hoạch khuyến công quốc gia: Sở Công Thương chủ trì xây dựng kế hoạch và thẩm định cấp cơ sở các đề án khuyến công thực hiện bằng nguồn kinh phí khuyến công quốc gia triển khai tại địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Cục Công nghiệp địa phương trước ngày 15 tháng 6 hàng năm (*trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung phải có văn bản gửi về Cục Công nghiệp địa phương trước ngày 31 tháng 9 hàng năm*).

2. Kế hoạch khuyến công của tỉnh:

a) Kế hoạch khuyến công của tỉnh hàng năm được lập trên cơ sở phù hợp với Chương trình khuyến công của tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo từng giai đoạn, gồm hai phần:

- Kết quả thực hiện công tác khuyến công năm trước; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm hiện tại và so sánh kết quả thực hiện với năm trước;

- Mục tiêu, định hướng công tác khuyến công năm sau; danh mục và báo cáo các đề án khuyến công dự kiến đưa vào kế hoạch.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ nhu cầu thực hiện công tác khuyến công thuộc địa bàn quản lý gửi đăng ký kế hoạch khuyến công về Sở Công Thương xem xét, thẩm định.

c) Sở Công Thương có trách nhiệm thẩm định kế hoạch khuyến công hàng năm của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 6 hàng năm để xem xét, phê duyệt.

Điều 4. Nguyên tắc lập đề án khuyến công

1. Phù hợp với chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của Đảng, Nhà nước; chiến lược, quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của tỉnh nói riêng và của cả nước nói chung.

2. Phù hợp với các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động khuyến công.

Điều 5. Các đề án khuyến công được ưu tiên

1. *Về địa bàn:* Ưu tiên các đề án khuyến công ở các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và các địa bàn mà công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chậm phát triển; các xã trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; các làng nghề có nguồn nguyên liệu và lao động dồi dào; trường hợp các địa bàn có điều kiện như nhau thì ưu tiên các đề án khuyến công của các đơn vị có kinh nghiệm, năng lực triển khai thực hiện.

2. *Về ngành nghề:* Ưu tiên các đề án hỗ trợ phát triển sản xuất, gia công, lắp ráp các sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; sản xuất các sản phẩm xuất khẩu; sản xuất hàng tiêu dùng và thủ công mỹ nghệ; sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động tại địa phương; hỗ trợ các doanh nghiệp lập đề án sản xuất sạch hơn.

Điều 6. Nội dung cơ bản của đề án khuyến công

Đề án khuyến công cần thiết phải có những nội dung chủ yếu sau:

1. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.
2. Sự cần thiết của đề án: Khái quát tình hình chung (*nêu tóm tắt tình hình ngành nghề trong đề án tại địa phương*); lý do và sự cần thiết phải triển khai thực hiện đề án.
3. Mục tiêu: Nêu những mục tiêu của đề án cần đạt được như: Giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống cho người lao động, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm...; các mục tiêu phải rõ ràng, cụ thể, đáp ứng nhu cầu thực tế của cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn, làng nghề...
4. Quy mô đề án: Nêu quy mô và các hoạt động chính của đề án.
5. Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện, tổ chức, cá nhân thực hiện.
6. Dự toán kinh phí: Xác định tổng kinh phí cho đề án, trong đó phân rõ cơ cấu nguồn: Kinh phí khuyến công quốc gia; Kinh phí khuyến công của tỉnh; kinh phí đóng góp của tổ chức, cá nhân thụ hưởng; nguồn khác (*nếu có*). Dự toán kinh phí được lập chi tiết cho từng nội dung công việc theo biểu mẫu quy định và phải phù hợp với các quy định hiện hành. Đối với các đề án khuyến công điểm, thực hiện trong nhiều năm thì kế hoạch kinh phí còn phải được phân bổ theo tiến độ thực hiện hàng năm. Đơn vị phải cam kết chưa được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho nội dung chi đề nghị hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công.
7. Tổ chức thực hiện: Nêu phương án tổ chức thực hiện để hoàn thành đề án; đơn vị được giao tổ chức thực hiện phải đủ năng lực gồm đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp.
8. Hiệu quả của đề án: Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, tính bền vững của đề án sau khi kết thúc.
9. Kết luận: Sự phù hợp về đối tượng xin hỗ trợ, ngành nghề, nội dung đề án phù hợp với Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012.

Điều 7. Nội dung thẩm định

Tổ thẩm định kế hoạch, đề án khuyến công thực hiện thẩm định các nội dung sau:

1. Mức độ phù hợp của đề án với nguyên tắc được quy định tại Điều 4, Chương II của Quy chế này.
2. Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của đề án; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất kỹ thuật khác.
3. Năng lực của đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đối tượng thụ hưởng.
4. Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác.
5. Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu đề án.

Điều 8. Hồ sơ và thời gian đăng ký kế hoạch khuyến công.

1. Các đơn vị thực hiện đề án đăng ký đề án khuyến công với Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 01 tháng 5 hàng năm.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ đăng ký kế hoạch khuyến công trên địa bàn về Sở Công Thương để thẩm định trước ngày 20 tháng 5 hàng năm (*trường hợp khác theo hướng dẫn của Sở Công Thương*)

3. Hồ sơ gửi về Sở Công Thương để thẩm định cấp cơ sở là 03 bộ, bao gồm:

- Công văn đề nghị của đơn vị thực hiện đề án
- Đề án khuyến công được lập theo quy định tại điều 6 của quy chế này.

4. Sở Công Thương sau khi thẩm định:

a) Đối với đề án khuyến công quốc gia: Sau khi Sở Công Thương thẩm định gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo và gửi về Cục Công nghiệp địa phương trước ngày 15 tháng 6 hàng năm. Hồ sơ gửi về Cục Công nghiệp địa phương 01 bộ, bao gồm:

- Báo cáo đăng ký đề án khuyến công quốc gia
- Biểu tổng hợp các đề án khuyến công quốc gia theo quy định.
- Phiếu thẩm định cấp cơ sở đối với các đề án, nhiệm vụ theo Sở Công Thương đề nghị (*theo mẫu quy định*)

b) Đối với đề án khuyến công địa phương: Sở Công Thương lập dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch khuyến công của tỉnh gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 7 hàng năm. Sở Tài chính xem xét, tổng hợp chung vào phương án phân bổ ngân sách của tỉnh hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Khi có quyết định phê duyệt kế hoạch và giao dự toán kinh phí khuyến công của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương thực hiện phân bổ kinh phí cho các đơn vị có liên quan và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công được phê duyệt.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Công Thương

a) Chủ trì xây dựng và tổng hợp chương trình khuyến công từng giai đoạn; các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công trình Bộ Công Thương (*đối với chương trình khuyến công quốc gia*) và trình Ủy ban nhân dân tỉnh (*đối với chương trình khuyến công địa phương*) phê duyệt và hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công;

b) Thành lập Tổ thẩm định, tổ chức thẩm định, tổng hợp kế hoạch, đề án khuyến công và dự toán kinh phí khuyến công hàng năm gửi về Cục Công nghiệp địa phương (*đối với đề án khuyến công quốc gia*) gửi Sở Tài chính (*đối với khuyến công của tỉnh*)

xem xét, tổng hợp chung vào phương án phân bổ ngân sách địa phương để tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện;

c) Theo dõi, kiểm tra việc tổ chức triển khai, thanh quyết toán thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công;

d) Chủ trì phối hợp với các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kiểm tra định kỳ, đột xuất và giám sát đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, có hiệu quả;

đ) Hướng dẫn Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Kinh tế trong việc xây dựng chương trình khuyến công địa phương; tổng hợp các đề án và lập kế hoạch theo quy định, trình Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phê duyệt;

e) Quản lý, theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Công nghiệp địa phương tình hình thực hiện công tác khuyến công trên địa bàn tỉnh theo quy định; làm đầu mối giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động khuyến công của tỉnh.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Tổng hợp kế hoạch kinh phí khuyến công hàng năm vào phương án phân bổ ngân sách địa phương, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt;

b) Kiểm tra công tác thanh quyết toán kinh phí thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn theo đúng quy định;

c) Hướng dẫn các đơn vị thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công các thủ tục tài chính liên quan đến cấp, phát thanh quyết toán kinh phí khuyến công theo đúng quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng đề án khuyến công ở địa phương; thẩm tra, tổng hợp các đề án khuyến công trên địa bàn huyện, thành phố gửi Sở Công Thương thẩm định;

Ngoài các đề án trình Sở Công Thương thẩm định hỗ trợ kinh phí theo chương trình khuyến công quốc gia và của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào khả năng nguồn ngân sách của huyện, thành phố chủ động phân bổ kinh phí từ ngân sách của đơn vị hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ công tác khuyến công cho các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn, làng nghề trên địa bàn quản lý;

b) Phối hợp với Sở Công Thương, các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan kiểm tra, đánh giá và giám sát thực hiện các đề án, kế hoạch khuyến công trên địa bàn;

c) Theo dõi và tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công hàng năm, định kỳ báo cáo gửi về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo cấp trên;

d) Làm đầu mối tổng hợp, giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động khuyến công trên địa bàn.

4. Các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan: Căn cứ phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Điều chỉnh, bổ sung, ngừng triển khai đề án

1. Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp có văn bản gửi Sở Công Thương trước ngày 15 tháng 9 hàng năm và Sở Công Thương có văn bản gửi về Cục Công nghiệp địa phương (*đối với đề án khuyến công quốc gia*) và gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (*đối với đề án khuyến công của tỉnh*) trước ngày 30 tháng 9 hàng năm trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án.

2. Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp:

- Đối với đề án khuyến công quốc gia: Cục Công nghiệp địa phương xem xét phê duyệt hoặc trình Bộ Công Thương phê duyệt theo quy định.

- Đối với đề án khuyến công của tỉnh: Sở Công Thương xem xét phê duyệt hoặc trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, cụ thể như sau:

a) Sở Công Thương phê duyệt các đề nghị điều chỉnh liên quan tới thay đổi địa điểm, đơn vị thực hiện đề án, các điều chỉnh không làm thay đổi hoặc tăng kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh;

b) Sở Công Thương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các đề nghị điều chỉnh như: Điều chỉnh tăng mức kinh phí hỗ trợ, các điều chỉnh dẫn đến thay đổi cơ bản nội dung của đề án (*thay đổi nội dung hoạt động khuyến công*), các đề nghị bổ sung đề án mới, ngừng triển khai thực hiện đề án;

c) Đối với các đề án có sai phạm trong việc thực hiện, không đáp ứng mục tiêu, nội dung, tiến độ thực hiện, Sở Công Thương xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt ngừng thực hiện đề án.

3. Quyết định điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án khuyến công được Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp và các đơn vị thực hiện biết sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 11. Báo cáo thực hiện đề án

1. Các đơn vị thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công định kỳ hàng tháng lập báo cáo tiến độ thực hiện theo biểu mẫu quy định gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15 hàng tháng; thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Công Thương. Khi kết thúc thực hiện đề án, đơn vị lập báo cáo tổng hợp kết quả đề án (*kèm hồ sơ thanh lý, quyết toán hợp đồng*).

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công gửi về Sở Công Thương trước ngày 18 hàng tháng.

3. Đối với đề án khuyến công quốc gia: Các đơn vị thực hiện đề án hàng tháng lập báo cáo tiến độ thực hiện theo mẫu quy định gửi về Cục Công nghiệp địa phương và Sở Công Thương trước ngày 25 hàng tháng.

4. Sở Công Thương quản lý, theo dõi và tổng hợp báo cáo (quý, 6 tháng, tổng kết năm, báo cáo sơ kết và tổng kết chương trình khuyến công, báo cáo đột xuất) tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công địa phương và kế hoạch khuyến công quốc gia trên địa bàn tỉnh gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục Công nghiệp địa phương.

Điều 12. Kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện đề án, kế hoạch, chương trình khuyến công trên địa bàn tỉnh

1. Sở Công Thương chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, theo dõi, giám sát thực hiện các đề án, kế hoạch, chương trình khuyến công trên địa bàn tỉnh.

- Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công; thành lập đoàn kiểm tra và có văn bản gửi các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi triển khai thực hiện đề án, đơn vị được giao thực hiện đề án phối hợp kiểm tra; đồng thời, có trách nhiệm báo cáo tổng hợp, đánh giá kết quả kiểm tra gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công có trách nhiệm lập báo cáo theo yêu cầu của Sở Công Thương và Đoàn kiểm tra; đồng thời, cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến quá trình thực hiện kế hoạch, đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn kiểm tra trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công do cơ quan, đơn vị thực hiện.

Chương IV
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ
HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG

Điều 13. Nguồn kinh phí, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công

1. Kinh phí khuyến công địa phương được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã giao hàng năm;
- b) Nguồn tài trợ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- c) Hỗ trợ từ kinh phí khuyến công quốc gia cho hoạt động khuyến công theo chương trình đề án được Bộ Công Thương phê duyệt;
- d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công phải theo đúng quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công; Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công; Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT-BTC-BCT ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến công; các quy định khác có liên quan theo pháp luật hiện hành và theo Quy chế này.

Điều 14. Ngành nghề được hưởng kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp tại các huyện, thành phố trong tỉnh được hưởng kinh phí khuyến công của nhà nước đối với các ngành nghề sau:

1. Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.
2. Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động.
3. Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng hóa thay thế hàng nhập khẩu.
4. Công nghiệp hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; sản xuất vật liệu xây dựng.
5. Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học; sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ.
6. Sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp.
7. Khai thác, chế biến khoáng sản tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.
8. Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

Điều 15. Nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến công

1. Nội dung chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công; Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT-BTC-BCT ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và Thông tư liên tịch số 221/2012/TTLT-BTC-BCT ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020; các quy định khác có liên quan và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Mức chi: Không vượt quá mức chi được quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT-BTC-BCT ngày 17/6/2009 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Công Thương về quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công; Điều 3 tại Thông tư liên tịch số 221/2012/TTLT-BTC-BCT ngày 24/12/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương; các quy định pháp luật khác có liên quan và hiện hành.

Điều 16. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí khuyến công

Việc lập dự toán, cấp phát và quyết toán kinh phí khuyến công thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan.

1. *Lập dự toán*: Công tác lập dự toán thực hiện theo điều 9 Quy chế này.
2. *Chấp hành dự toán*
 - a) Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị được giao, các đơn vị thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch;
 - b) Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán kinh phí khuyến công theo quy định hiện hành.

3. Công tác hạch toán, quyết toán

a) Đơn vị thực hiện đề án lập báo cáo kết quả thực hiện đề án sau khi thực hiện xong và hoàn chỉnh các thủ tục quyết toán kinh phí khuyến công đã sử dụng với Sở Công Thương (thông qua Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp);

b) Quyết toán năm Sở Công Thương gửi Sở Tài chính thẩm định. Trình tự lập, mẫu biểu báo cáo, thời gian nộp và xét duyệt báo cáo quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Công Thương chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Các sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá các đề án, kế hoạch, chương trình khuyến công trên địa bàn tỉnh;

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế này; Đề nghị các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thực hiện đề án, kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



Lê Minh Chiến